

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 24 - 4 - 2019
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đình Thông

Các Thẩm phán: Ông Trần Hồng Hải

Ông Hồ Đức Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Khánh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 03/2019/TBTL - TA ngày 07 tháng 01 năm 2019 do có kháng cáo của bị đơn anh Hoàng Văn D và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn S và bà Lê Thị D đối với bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 13/2018/HNGĐ-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐ-PT ngày 28/3/2019:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Thị H**, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Khối phố Y, phường T, thành phố H, Hà Tĩnh. Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Hoàng Văn D**, sinh năm: 1976. Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện L, Hà Tĩnh. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Hoàng Văn S. Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện L, Hà Tĩnh. Vắng mặt.

+ Bà Lê Thị D. Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện L, Hà Tĩnh. Vắng mặt.

Ông S và bà D ủy quyền cho chị Phan Thị Phương L. Trú tại: Số nhà B, đường N, phường N, Thành phố H. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Hoàng Văn D và ông Hoàng Văn S: Ông Nguyễn Đình G – Văn phòng luật sư L, đoàn luật sư Hà Tĩnh.

Có mặt.

* **Người kháng cáo:** Bị đơn anh Hoàng Văn D và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn S và bà Lê Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 13/2018/HNGĐ-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Tĩnh và các tài liệu có tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Về hôn nhân: Chị Phan Thị H đăng ký kết hôn với anh Hoàng Văn D tại UBND xã P, huyện C (nay là huyện L), tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 23/4/2002 trên cơ sở hai bên tự nguyện. Sau khi cưới hai vợ chồng về chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 7/2018 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và sống ly thân đến nay. Nguyên nhân chủ yếu do quan điểm sống giữa hai vợ chồng có nhiều khác biệt dẫn đến thường xuyên cãi vã, bạo lực gia đình nên vợ chồng không có hạnh phúc. Hiện nay chị H không còn tình cảm với anh D nữa và yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung: Hoàng Thị V - Sinh ngày 19/02/2003 và Hoàng Văn H - Sinh ngày 09/6/2008. Hiện nay cháu Hoàng Thị V đang sinh sống với anh Hoàng Văn D còn cháu Hoàng Văn H đang sinh sống với chị Phan Thị H. Chị Phan Thị H yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng con Hoàng Văn H đến khi con đủ tròn 18 tuổi và giao con Hoàng Thị V cho anh Hoàng Văn D tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ tròn 18 tuổi. Hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung và không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là một căn nhà xây đồ mái bằng trị giá 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết giao căn nhà cho anh Hoàng Văn D sở hữu và buộc anh D đưa lại cho chị H 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền chênh lệch tài sản. Còn thửa đất làm nhà đang đứng tên bố mẹ anh Dân là ông Hoàng Văn S và bà Lê Thị D nên chị H thỏa thuận trả lại cho bố mẹ anh D và không yêu cầu Tòa án giải quyết về đất vườn ở.

Tại bản tự khai ngày 28/8/2018, anh Hoàng Văn D trình bày phù hợp với lời trình bày của chị H về các quan hệ hôn nhân và con chung. Còn mâu thuẫn vợ chồng chưa có gì to tát, chưa đến mức trầm trọng. Tuy nhiên nếu chị H kiên quyết yêu cầu ly hôn thì anh D cũng đồng ý. Về con chung anh D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung anh D muốn tự thỏa thuận với chị H và chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/11/2018 (theo dấu bưu điện chuyển phát nhanh ngày 02/11/2017, Tòa án nhận ngày 05/11/2018), anh Hoàng Văn D giữ nguyên trình bày về con chung. Còn về tài sản chung anh D trình bày ngôi nhà chị H yêu cầu Tòa án giải quyết là tài sản của vợ chồng ông Hoàng Văn S và bà Lê Thị D. Ngoài ra vợ chồng còn có thửa đất có diện tích 200 m² tại phường T, thành phố H, trị giá 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng). Nguồn gốc đất do vợ chồng mua của bố mẹ chị H 200 m² và bố mẹ chị H cho thêm vợ chồng 100m². Hiện nay chị H đã trả tiền nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng. Số tiền mua đất do vợ chồng

anh D tích góp cộng với tiền bán đất ở Tây Ninh 140.000.000đ và bố mẹ anh D cho 120.000.000đ. Anh D yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản này.

Tại các bản tự khai ngày 10/9/2018, cháu Hoàng Thị V trình bày nguyện vọng được ở với bố; cháu Hoàng Văn H trình bày nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại bản tự khai ngày 06/11/2018, ông Hoàng Văn S trình bày: Ngôi nhà mà chị H trình bày là tài sản chung của vợ chồng là ngôi nhà của vợ chồng ông S bố anh D. Nguồn vốn xây cất ngôi nhà do vợ chồng ông S và bà D bỏ ra và có sự giúp đỡ của con trai ông S là Hoàng Văn H1 đang làm ăn tại Hàn Quốc, còn con trai Hoàng Văn D chỉ giúp đỡ về ngày công. Thời gian làm nhà hết 3 năm, trong thời gian đó chị H đang đi làm việc tại Nga, còn ông S làm việc tại Vũng Tàu nên đều không có mặt. Mọi quản lý, chỉ đạo xây dựng nhà ông S giao cho cháu là anh Hoàng Văn Đ, còn quán xuyến công việc chi tiêu hàng ngày ông S giao cho vợ là bà Lê Thị D.

Tại các biên bản hòa giải ngày 28/8/2018 và ngày 02/11/2018, chị Phan Thị H và anh Hoàng Văn D tự nguyện thỏa thuận tình ly hôn và tự nguyện thỏa thuận giao con Hoàng Văn H - Sinh ngày 06/6/2008 cho chị Phan Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tròn 18 tuổi và giao con Hoàng Thị V - Sinh ngày 19/02/2003 cho anh Hoàng Văn D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tròn 18 tuổi. Hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung và không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung: Tại biên bản hòa giải ngày 28/8/2018, chị H yêu cầu giao ngôi nhà trị giá 400.000.000đ cho anh D sở hữu và yêu cầu anh D đưa lại cho chị H số tiền chênh lệch tài sản bằng $\frac{1}{2}$ trị giá căn nhà. Anh Hoàng Văn D trình bày ngôi nhà trị giá 200.000.000đ và thỏa thuận chia đôi tài sản chung theo quy định của pháp luật. Cả chị H và anh D thỏa thuận trả lại phần đất đã làm nhà cho bố mẹ anh D là ông Hoàng Văn S và bà Lê Thị D; tại biên bản hòa giải ngày 02/11/2018, chị H giữ nguyên yêu cầu giải quyết về tài sản. Còn anh Hoàng Văn D trình bày ngôi nhà chị H yêu cầu Tòa án giải quyết là tài sản của bố mẹ anh D làm nên không nhất trí đưa vào tài sản chung để giải quyết.

Tại các biên bản không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản được các ngày 23/10/2018 và 26/10/2018; biên bản sự việc ngày 26/10/2018 thể hiện nội D không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản được là do anh Hoàng Văn D đã được tổng đạt hợp lệ thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nhưng anh D vắng mặt tại thời gian và địa điểm xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 02 lần đều không có lý do. Cửa nhà bị khóa nên Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản không tiến hành làm việc theo kế hoạch đã ấn định được.

Tại thông báo số 398/2018/TB-TA ngày 23/10/2018 về việc thay đổi thời gian xem xét thẩm định và định giá tài sản thể hiện: Trong trường hợp bị đơn cố tình vắng mặt thì Tòa án áp dụng mức giá trị tài sản do nguyên đơn yêu cầu để giải quyết vụ án.

Tại thông báo số 399/2018/TB-TA ngày 30/10/2018 về việc không tiến hành xem xét thẩm định và định giá tài sản được, thể hiện: Do bị đơn là anh Hoàng Văn D cố tình vắng mặt hai lần tại các buổi xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên Tòa án áp dụng mức giá trị tài sản do nguyên đơn yêu cầu để giải quyết vụ

án.

Tại biên bản xác minh ngày 02/11/2018, UBND xã P cung cấp: Chị H và anh D kết hôn với nhau rồi làm ăn sinh sống tại tỉnh Bình Dương một thời gian, sau đó về quê sinh sống. Cách đây khoảng 7 năm chị H đi xuất khẩu lao động tại Nga 2 đợt, mỗi đợt 3 năm, còn anh D làm nghề hàn xì tại các tỉnh phía Bắc, khoảng 3 đến 4 tháng mới về nhà một lần. Quá trình sinh sống tại địa phương không thấy vợ chồng chị H và anh D có xung đột lớn, còn cụ thể mâu thuẫn vợ chồng thì chính quyền địa phương và ban cán sự thôn không rõ, đến khi chị H làm thủ tục ly hôn mới biết. Chị H và anh D đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2018 đến nay. Vợ chồng chị H có hai con chung là đúng thực tế, hiện tại cháu đầu chung sống với anh D và được đi học bình thường còn cháu thứ hai ở với chị H, còn ở đâu thì không rõ. Về tài sản của vợ chồng có những gì thì ban cán sự thôn và chính quyền địa phương không rõ. Chỉ biết khi chị H đi Nga đợt 1 về thì thấy làm nhà vào khoảng năm 2014. Khi làm nhà thấy vợ chồng chị H, anh D và mẹ anh D là bà Lê Thị D ở nhà, còn bố anh D là ông Hoàng Văn S làm bảo vệ tại Thành phố Vũng Tàu từ năm 2010 đến nay nên không có mặt. Quá trình làm nhà trong gia đình không có tranh chấp to tiếng gì, sau khi làm xong nhà gia đình có làm tân gia và thấy gia đình chị H và anh D sinh sống, còn bà D mẹ anh D vẫn sinh sống tại ngôi nhà của bố mẹ anh D cùng trong thửa đất đó. Tiền làm nhà do ai bỏ ra thì không rõ nhưng thấy khi làm xong nhà thì chị H tiếp tục đi Nga làm ăn và về địa phương vào khoảng cuối năm 2017. Đất làm nhà cùng thửa đất của bố mẹ anh D đang ở và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hoàng Văn S, trong gia đình chưa thấy làm thủ tục mua bán, tặng cho quyền sử dụng đất.

Tại biên bản xác minh ngày 09/11/2018 của ông Phan Quang B, anh Hoàng Văn D1 và chị Võ Thị H do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi liên quan thu thập: Ông B là hàng xóm láng giềng của ông Hoàng Văn S, anh Hoàng Văn D (con ông S) lấy vợ là chị H người thành phố H nhưng cưới nhau ở miền Nam và không tổ chức cưới ở nhà. Khi vợ chồng anh D về Hà Tĩnh thì ông B không thấy vợ chồng anh D sinh sống ở nhà ông S mà nghe nói anh D ở rể ở phường T vì nghe nói bố mẹ chị H cho đất ở trên thành phố, còn cho cụ thể như thế nào thì ông B không rõ vì chỉ nghe nói lại. Về căn nhà xây trên đất ông S thì ông B thấy ông S và bà D là người đứng ra xây dựng. Khi xây xong thì ông B và những người trong thôn có tổ chức đi mừng tân gia cho ông S, bà D và cũng thấy hai ông bà sử dụng từ trước đến nay. Còn vợ chồng anh D chị H thì không rõ đi đâu, chỉ thỉnh thoảng về thăm con và thăm ông bà. Anh Hoàng Văn D1 và chị Võ Thị H trình bày nhất trí với lời khai của ông Phan Quang B.

Tại biên bản xác minh ngày 09/11/2018 của anh Hoàng Quốc Đ do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi liên quan thu thập: Khoảng tháng 08/2013, ông Hoàng Văn S có nhờ ông Đ xây dựng căn nhà ở trong đất vườn của ông S. Ông S có trao đổi trước với ông Đ về thiết kế và diện tích xây dựng, còn khi xây thì ông S có công việc đi miền Nam nên ông S giao lại toàn bộ việc xây dựng và mua vật liệu cho ông Đ. Tiền công và tiền mua vật liệu thì do bà D trực tiếp đưa cho ông Đ. Việc chị H cho rằng căn nhà là tài sản chung của vợ chồng anh D chị H thì ông Đ không rõ vì thời gian làm nhà ông Đ không thấy chị H ở nhà. Còn anh D thì chỉ thấy giúp hàn sắt và có phụ giúp một số công chứ

không tham gia thường xuyên, ông Đ cũng chỉ nhận thanh toán từ bà D chứ không thấy anh D đưa tiền cho ông Đ.

Tại bản tự khai ngày 15/11/2018 của chị Phan Thị H trình bày: Vào đầu năm 2010 chị H đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, chị H dành được một số tiền và đầu năm 2013 thì chị H về. Vợ chồng chị H có nghe ông bà nội cho vợ chồng đất ở để làm nhà. Vợ chồng bàn bạc ông bà cho đất thì làm nhà, còn giấy tờ tính sau. Quá trình làm nhà ông Hoàng Văn S không có nhà, ông S đi làm bảo vệ ở trường mầm non tư thục ở Vũng Tàu. Bà Lê Thị D sau khi bỏ móng xong vào Tây Ninh sống cùng con gái là Hoàng Thị T. Trong thời gian làm nhà chỉ có vợ chồng chị H ở nhà, đến khi làm nhà xong thì bà D mới trở về. Quá trình làm nhà chị H có ghi chép đầy đủ từng chi tiết nhưng do thời gian khá lâu nên chị H làm mất sổ ghi chép. Khi chuẩn bị làm nhà, bà D có đưa cho chị H 10 triệu đồng và anh Hoàng Văn D có đưa cho chị 10 triệu đồng. Ngày bỏ móng là ngày 06/07 (âm lịch). Chủ thầu là anh T, có vợ là chị H quê ở T, là anh em cùng chèo với anh Hoàng Văn Đ. Gạch xây chị H lấy ở đại lý tại thị trấn N (C) chở gạch về thì chị H nhận đủ và thanh toán trong ngày. Cát, đá chị H mua của anh Hoàng Văn Đ (P) cũng được chở đến và thanh toán trong ngày. Xi măng, sắt, thép anh D lấy ở đại lý Cầu Trù của ông Đặng Văn T làm chủ đại lý, toàn bộ đều được chở đến nơi và thanh toán trong ngày. Cốt pha do anh Hoàng Văn Đ đóng, hoàn thành xong chị H cũng thanh toán đủ. Phần cửa gỗ do anh S (T) ở P đóng và được thanh toán khi hoàn thành. Gạch ốp lát chị H được anh T dẫn đi lấy đại lý tên C gần trường cấp III Nguyễn Văn T. Về phần thợ xây, chị H trực tiếp thanh toán công thợ cho anh T, làm xong móng anh T có ứng chị H 20 triệu đồng, xong phần thô anh T có ứng chị H 40 triệu đồng, đến khi hoàn thành xong đo đạc, tính toán còn lại bao nhiêu thì chị H trực tiếp thanh toán với anh T. Cuối năm 2013 vợ chồng chị H làm xong nhà còn thiếu một số tiền nợ, nên đầu năm 2014 (dương lịch) chị H tiếp tục sang Nga lần thứ hai làm trả nợ xong, thì đầu năm 2016 chị H trở về. Trong căn nhà thì anh Hoàng Văn D có mua vật liệu hàn xì mái che.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/11/2018 của ông Hoàng Quốc Đ trình bày: Ông Đ là con trai của anh đầu ông Hoàng Văn S (là anh con bác của anh Hoàng Văn D). Hiện nay ngôi nhà đang tranh chấp giữa chị Phan Thị H với anh Hoàng Văn D và vợ chồng ông Hoàng Văn S bà Lê Thị D do ông Đ trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng và có làm công nhưng không phải là nhận thầu. Khởi công khoảng tháng 8/2013 (dương lịch) còn ngày liên hoan tất công thì ông Đ không nhớ thời điểm nào. Diện tích ngôi nhà khoảng 70 m², tổng kinh phí hết bao nhiêu tiền ông Đ không biết cụ thể. Toàn bộ tiền do bà D trực tiếp thanh toán cho ông Đ. Thời điểm làm nhà ông Hoàng Văn S ở Vũng Tàu nên không có mặt, chị H đi làm ăn ở Nga chỉ về được một, hai bữa, anh Hoàng Văn D đi làm và cũng không thường xuyên có mặt. Người thường xuyên có mặt là bà D. Ngoài ông Đ là người trực tiếp làm thợ xây có anh Lê X ở xóm Đ, xã P, L, Hà Tĩnh và anh Phạm D ở xóm Hà Á, xã T, L, Hà Tĩnh. Ngoài ra thỉnh thoảng có con trai ông Đ xuống giúp chứ không còn thợ nào khác. Nghề nghiệp chính của ông Đ là làm ruộng, ngoài ra ông Đ có làm thợ xây và cho thuê cốt pha. Cát và đá do con trai ông Đ chở, hết bao nhiêu tiền ông Đ không nhớ, có khi thì ông Đ trả, có khi thì bà D trả, gạch xây do con trai ông Đ là anh Hoàng Văn Đ chở, gạch chở về do bà D trực tiếp trả tiền (gạch xây mua ở Bắc N). Sắt, xi măng mua của ông T ở A do ông Đ trực tiếp đi mua,

được chở đến và bà D trả tiền. Phần gỗ do ông Lê S ở xóm Đ đóng hết 11.500.000 đồng do ông Đ lấy tiền ở bà D trả. Còn lại các loại vật liệu khác hết bao nhiêu tiền thì ông Đ không nhớ. Khi làm nhà không có thiết kế và cũng không ký kết hợp đồng bằng văn bản.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/11/2018 của ông Phan Quang B trình bày: Ông B và gia đình ông Hoàng Văn S và vợ chồng chị H anh D là quan hệ làng xóm láng giềng, nhà ông B cách nhà ông S 03 nhà. Ông B không nhớ rõ thời điểm làm nhà. Thời điểm làm nhà ông B thấy ông S không có nhà, bà Lê Thị D ở nhà thường xuyên cùng với hai con của vợ chồng anh D chị H. Anh D thỉnh thoảng có về nhà, còn chị H không thấy ở nhà. Ông B không biết ai là người bỏ tiền ra làm nhà và căn nhà làm hết bao nhiêu tiền. Theo ông B, căn nhà đó là của ông Hoàng Văn S và bà Lê Thị D vì ông B được nghe bà Lê Thị D nói như vậy. Sau khi căn nhà làm xong ông B thấy bà D và hai con của anh D chị H thường xuyên sử dụng, còn anh D thỉnh thoảng mới về. Chị H sau khi đi Nga về có bán xăng dầu ở Cầu Trù một thời gian, còn chị H ở đâu thì ông B không rõ. Ngôi nhà cũ của ông Hoàng Văn S ông B thấy hay đóng cửa, còn ai ở thì ông B không rõ.

Tại bản tự khai ngày 19/11/2018 và biên bản lấy lời khai ngày 19/11/2018 bà Lê Thị D trình bày: Vợ chồng bà D có căn nhà nát ọp ẹp, nên vợ chồng bà quyết định làm nhà. Năm 2013 con trai bà D ở Hàn Quốc gửi về số tiền là 100 triệu đồng và số tiền của vợ chồng bà D phối hợp làm căn nhà vào năm 2013 đến năm 2016. Ông Hoàng Quốc Đ là người nhận làm nhà của bà D. Số tiền hết bao nhiêu bà D đều đưa cho ông Đ. Còn lại hết bao nhiêu bà D không nhớ được. Ngôi nhà hiện nay chưa hoàn thiện, chưa tất công và bà D không nhớ ngày khởi công vào khi nào. Bà D không nhớ căn nhà có diện tích bao nhiêu và làm hết bao nhiêu tiền. Khi làm nhà chỉ có bà D là người thường xuyên có mặt và chi trả tiền. Thợ xây trực tiếp ngôi nhà thì bà D không biết tên chỉ biết ông Hoàng Quốc Đ nhận làm nhà và có xây. Bà D trình bày chỉ thuê ông Hoàng Quốc Đ đến và làm còn hình thức thuê như thế nào thì bà D không biết. Về vật liệu xây dựng do anh Hoàng Quốc Đ gọi hết, bà D không rõ bao nhiêu tiền, mua ở đâu bà D không biết. Khi làm nhà bà D không có thiết kế, còn bà D giao lại toàn bộ cho ông Đ và ông Đ tự làm như thế nào, có thiết kế hay không thì bà D không biết. Khi làm việc với Tòa án chưa xong thì bà D tự ý bỏ về, Tòa án đã phải lập biên bản sự việc xảy ra.

Tại biên bản xác minh ngày 19/11/2018, ông Phạm Bá T cung cấp: ông T không trực tiếp nhận thầu từ vợ chồng chị Phan Thị H và anh Hoàng Văn D khi làm nhà, mà nhận làm công qua ông Hoàng Quốc Đ. Ông Đ là anh em con chú bác với anh Hoàng Văn D, đồng thời là anh em rể với ông T. Quá trình làm nhà ông T thấy bà Lê Thị D (mẹ anh D) chỉ có mặt ở nhà từ khi bắt đầu đến khi bỏ xong móng, sau đó bà D đi Nam một thời gian đến khi làm gần xong nhà thì bà D mới về, còn ông Hoàng Văn S (bố anh D) thì không có mặt trong quá trình xây nhà. Khi làm nhà ông T ứng tiền công thợ, khi thì nhận tại ông Đ khi thì ông Đ báo chị H trực tiếp đưa cho ông T. Ông T thấy chị H là người quản lý tiền và chi trả còn nguồn gốc số tiền đó do chị H hay anh D làm ra thì ông T không rõ. Đến thời điểm này, nhà xây đã được đổ bằng, đổ trụ tầng hai, có cầu thang, cửa gỗ có khung ngoại ở cửa sổ và cửa chính. Diện tích nhà khoảng 70m² (ông T không nhớ rõ) và trị giá hiện nay khoảng 400 triệu đồng.

Tại biên bản xác minh ngày 20/11/2018, ông Lê Trọng S - Chủ xưởng gỗ tại Thôn Đ, xã P, huyện L cung cấp: Khoảng 3, 4 năm trước, ông S không nhớ rõ thời gian cụ thể, ông S thấy ông Đ đến gọi ông S đo đóng cửa làm nhà, khi đến lắp cửa ông S có thấy anh Hoàng Văn D, bà Lê Thị D, còn chị Phan Thị H và ông Hoàng Văn S thì không thấy có nhà. Số tiền làm cửa khoảng 11 triệu đồng được ông Đ thanh toán trực tiếp khi lắp xong cửa.

Tại biên bản xác minh ngày 20/11/2018, ông Phan Văn C - Chủ ốt bán vật liệu xây dựng tại thôn Thanh M, xã P, huyện L cung cấp: Bản thân ông C chỉ quen biết anh Hoàng Văn D và vợ chồng ông Hoàng Văn S, còn chị Phan Thị H - vợ anh D thì ông C không biết mặt. Khi làm nhà không mua vật liệu xây dựng của ông C, còn sơn và gạch ốp lát chị H có mua không thì ông C không nhớ vì ông C cuối không biết mặt chị H và việc mua bán diễn ra đã lâu, hàng ngày ông C cũng giao dịch với rất nhiều khách hàng nên không thể nhớ, ông chỉ nhớ cụ thể khi làm sân công, anh Hoàng Văn D có trực tiếp mua xi măng và gạch ốp công, tiền do anh D thanh toán trực tiếp cho ông C. Lúc đó, anh D có nợ một ít khi đi làm 3, 4 tháng sau mới về thanh toán hết. Sổ sách ghi nợ tại thời điểm đó hiện nay ông C không còn lưu trữ. Thời điểm anh D mua xi măng khoảng năm 2013 hoặc năm 2014. ông C nhớ khoảng trước khi anh D mua xi măng 01 năm thì ông Hoàng Quốc Đ có mua một số gạch ốp lát, theo anh Đạt nói thì mua gạch về làm nhà cho bác, còn bác nào thì ông C không biết và số lượng gạch ông Đ mua lúc đó bao nhiêu thì ông C không nhớ.

Tại biên bản xác minh ngày 20/11/2018, ông Đặng Văn T - chủ ốt bán vật liệu xây dựng cung cấp: Vào khoảng năm 2013, ông T thấy chị Phan Thị H, vợ anh Hoàng Văn D đến mua vật liệu về làm nhà tại ốt của ông T, lúc đó, ông đã bán cho chị H toàn bộ sắt thép và xi măng để làm ngôi nhà đó, việc mua bán tiến hành làm nhiều đợt theo tiến độ thi công ngôi nhà, và mỗi lần chở vật liệu đến chị H là người trực tiếp thanh toán tiền cho ông T. Do chị H thanh toán tiền ngay sau mỗi lần chở vật liệu nên ông T không có sổ ghi nợ tên chị H mà chỉ ghi tổng hợp hàng hóa bán trong ngày của tất cả những người mua. Đối với những gia đình khi mua họ còn nợ thì ông T mới có sổ sách theo dõi nợ nần để tiện việc thanh toán, trường hợp chị H - vợ anh D do không nợ nên chúng tôi không có ghi vào sổ nợ.

Tại biên bản xác minh ngày 20/11/2018 ông Đặng Văn T1 - Giám đốc công ty vật liệu xây dựng Tỉnh Gia cung cấp: Do thời gian đã lâu nên ông T1 không thể nhớ được vào khoảng thời gian năm 2013, ông T1 đã bán vật liệu xây dựng cho những ai. Hệ thống hồ sơ sổ sách lưu trữ chỉ được thực hiện từ năm 2015 đến nay vì có hệ thống phần mềm trong máy tính, còn từ năm 2015 trở về trước, việc mua bán đã được thanh toán nên không còn sổ sách lưu trữ. Bởi vậy ông T1 không thể nhớ được vào thời điểm nào ông Hoàng Quốc Đ ở thôn Đ, xã P, huyện L có mua vật liệu xây dựng tại ông T1 hay không.

Tại hộ chiếu số: B4121832; do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 28/6/2010 của chị Phan Thị H được dịch thuật bởi Trung tâm dịch thuật và dịch vụ đối ngoại - Sở ngoại vụ Hà Tĩnh, được chứng thực tư pháp tại Văn phòng công chứng H - số M, đường L, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh thể hiện:

Đợt 1: Ngày xuất cảnh từ Sân bay Nội Bài vào ngày 31/08/2010; Ngày nhập

cảnh về Việt Nam tại sân bay Nội Bài vào ngày 26/7/2013.

Đợt 2: Ngày xuất cảnh từ sân bay Nội Bài vào ngày 10/12/2013; Ngày nhập cảnh về Việt Nam tại sân bay Nội Bài vào ngày 26/02/2017.

Với nội D vụ án như trên; tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 13/2018/HNGĐ-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định:

Áp dụng các điều 55; 59; 60; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, khoản 2, khoản 4 điều 147; khoản 3 điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 6 điều 26; điểm a, điểm b khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH và danh mục mức án phí, lệ phí toà án ban hành kèm theo, tuyên xử:

Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn chị Phan Thị H và anh Hoàng Văn D.

Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Phan Thị H và anh Hoàng Văn D: Giao con chung Hoàng Văn H - Sinh ngày 06/6/2008 cho chị Phan Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tròn 18 tuổi và giao con chung Hoàng Thị V - Sinh ngày 19/02/2003 cho anh Hoàng Văn D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tròn 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền đi lại thăm nom con chung, không bên nào được ngăn cấm.

Về tài sản chung: Giao quyền sử dụng cho anh Hoàng Văn D ngôi nhà đồ mái bằng trị giá 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) xây trên thửa đất số 212, tờ bản đồ số 23, bản đồ địa chính chính quy, thuộc địa phận thôn M, xã P, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Buộc anh Hoàng Văn D phải đưa lại cho chị Phan Thị H 145.000.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng) tiền chênh lệch tài sản và trả lại cho vợ chồng ông Hoàng Văn S và bà Lê Thị D số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Phan Thị H về việc trả lại phần đất đã làm nhà cho ông Hoàng Văn S và bà Lê Thị D.

Không chấp nhận giải quyết yêu cầu của anh Hoàng Văn D về việc chia đôi thửa đất tại phường T, thành phố H. Trong trường hợp anh Hoàng Văn D thu thập được tài liệu, chứng cứ để chứng minh vợ chồng có thửa đất tại phường T, thành phố H như đã trình bày thì anh D được quyền khởi kiện vụ án dân sự về việc chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Bác yêu cầu của vợ chồng ông Hoàng Văn S và bà Lê Thị D về việc xác định ngôi nhà đồ mái bằng xây trên thửa đất số 212, tờ bản đồ số 23, bản đồ địa chính chính quy, thuộc địa phận thôn M, xã P, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Hoàng Văn S và bà Lê Thị D.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 10/12/2018 và ngày 12/12/2018 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn S - bà Lê Thị D và bị đơn anh Hoàng Văn D kháng cáo toàn bộ bản án HNGĐ sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân

dân huyện L.

Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự xin được tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau: Anh Hoàng Văn D giao lại cho chị Phan Thị H số tiền: 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản chung của vợ chồng. Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Văn S và bà Lê Thị D là bà Phan Thị Phương L đồng ý với việc giải quyết vụ án như thỏa thuận giữa các đương sự và rút toàn bộ nội D kháng cáo liên quan, đề nghị HĐXX phúc thẩm ghi nhận sự thỏa thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã đề nghị HĐXX phúc thẩm TAND tỉnh Hà Tĩnh áp dụng khoản 1 Điều 300, Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự sửa bản án sơ thẩm số 13/2018/HNGĐ-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Hoàng Văn S - bà Lê Thị D và bị đơn anh Hoàng Văn D làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa chị Phan Thị H và anh Hoàng Văn D thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể: Anh Hoàng Văn D giao lại cho chị Phan Thị H số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản chung của vợ chồng. Người đại diện ủy quyền của ông Hoàng Văn S và bà Lê Thị D là chị Phan Thị Phương L đồng ý với việc giải quyết vụ án như trên và rút toàn bộ các nội D kháng cáo.

Xét thấy các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Đối với phần án phí dân sự sơ thẩm mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn S và bà Lê Thị D phải chịu, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ là không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng ngôi nhà là tài sản của mình.

Xét thấy: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tranh chấp về quyền sở hữu tài sản là ngôi nhà. Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng không có yêu cầu độc lập. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, hơn nữa phần án phí đối với việc chia tài sản trong vụ án này đã buộc nguyên đơn và bị đơn đã phải chịu. Vì vậy, xét không buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí đối với phần tài sản trong vụ án này.

Từ những phân tích nhận định trên, xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Các đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 300, Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự sửa bản án sơ thẩm số 13/2018/HNGĐ-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Áp dụng các điều 55; 59; 60; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, khoản 2, khoản 4 điều 147; khoản 3 điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 6 điều 26; điểm a, b khoản 5 điều 27, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH và danh mục mức án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo, tuyên xử:

1. **Về hôn nhân:** Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn chị Phan Thị H và anh Hoàng Văn D.

2. **Về con chung:** Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Phan Thị H và anh Hoàng Văn D: Giao con chung Hoàng Văn H - Sinh ngày 06/6/2008 cho chị Phan Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tròn 18 tuổi và giao con chung Hoàng Thị V - Sinh ngày 19/02/2003 cho anh Hoàng Văn D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tròn 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền đi lại thăm nom con chung, không bên nào được ngăn cấm.

3. **Về tài sản chung:** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Anh Hoàng Văn D giao lại cho chị Phan Thị H số tiền: 45.000.000 đồng và được quyền sở hữu ngôi nhà đổ mái bằng trị giá 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) xây trên thửa đất số 212, tờ bản đồ số 23, bản đồ địa chính chính quy, thuộc địa phận thôn M, xã P, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh là tài sản chung của vợ chồng.

4. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Chị Phan Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí LHST và 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí chia tài sản, nhưng được khấu trừ số tiền 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí LHST đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L theo biên lai thu tiền số 0001704 ngày 23 tháng 8 năm 2018; anh Hoàng Văn D phải nộp 12.750.000đ (Mười hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí chia tài sản.

Án phí phúc thẩm: Buộc bị đơn anh Hoàng Văn D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm; Buộc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn S - bà Lê Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000 đồng của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND huyện L;
- THADS huyện L;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đình Thông